



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____
LOI#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGO THANH HUE
Last Middle First

Current Address: 338 D An Thuân - Mỹ Thuận An - Bến tre

Date of Birth: 6/7/35 Place of Birth: Bến tre

Previous Occupation (before 1975) 1st Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 6/27/75 To 9/8/79
Years: 4 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Ngô Thanh Huệ
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyễn Thị Loan	12/15/39	wife
Ngô Thanh Đan	6/6/65	daughter
Ngô Hà Thương	10/23/66	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 HAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ TỬC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGO - THANH - HUE

DATE, PLACE OF BIRTH : 27-6-1935 My Thanh An Ben Tre
 (Nam, noi sinh) : Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : X Female (Nu) : _____

MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : X
 Tinh trang gia dinh) :

ADDRESS IN VIETNAM : 338 An Thuan - My Thanh An Ben Tre
 Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VII hay khong) : Yes (Co) X No (Khong) _____

If Yes (Neu co) : From (Tu) : 27-6-1975 To (Den) : 08-9-1975

PLACE OF RE-EDUCATION : Tung Tam Cao Tai Hoa - 330 Ham Tan Thuan Hai
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep) : Lam vien

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : _____

VN ARMY (Quan doi VII) Rank (Cap bac) : _____

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VII) Position (Chuc vu) : Truong Canh Sat - Khanh Tien Van
Bat Tru Canh Sat Date (nam) : 30-4-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : X

IV Number (So ho so) : 254-707
 No (Khong) : _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : _____
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VII (Dia chi lien lac tai VII) : Nguyen Thoi Hoc 21 TP Hoa Binh
338 An Thuan - My Thanh An Ben Tre

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro) :

Nguyen Binh Boin 1605 Lepineville St Laurent
PQ HALK PI Canada

US. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : _____ No (Khong) : _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VII) : _____

NAME & SIGNATURE : _____

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

Tên, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: _____

Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Ngô - thành - Huế
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIV.	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Huỳnh Thị - Loan	15-12-1939	vợ
Ngô - thành - Danh	1965	con
Ngô - Hà - Thanh	22-12-1966	con

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION : Trình trong kính gửi đến Bà Hội Trưởng để nhờ can thiệp với Ủy ban ODP cấp tỉnh cấp Giấy phép Nhập cảnh.
 - Kính kèm : Giấy ra Train
 - Bản sắc IV
 - Bản sắc Biên nhân Hộ số xin xuất cảnh
 Riêng phần hồ sơ cá nhân đến bị thất lạc sau ngày 30-11-1995.
 Trong khi chờ đợi xử lý dứt, kính mong Bà Hội Trưởng nhân nơi đây lòng nhân thành biết ơn của tôi

Bến Tre, ngày 06-01-1990
 Huê

Ngô - thành - Huế

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 1 năm 1972

Thiếu tá: PHẠM HUY



Embassy of the United States of America

Bangkok, Thailand

98 . 7 . 89 .

Reference: IV 254707

Dear Sir/Madam: *Ng. Thanh Hieu (4)*

We have received your application and have opened a file for you. Your file (IV) number is listed above. Please mark this number on all documents and correspondence you send to us.

The following is a list of documents which are needed to complete our file. Before your case can be considered further, we must have these documents.

Family Documents

- A copy of your birth certificate and the birth certificates of each member of your family.
- A copy of your marriage certificate (if there was a previous marriage we will also need, as appropriate, a death certificate or divorce decree to show the marriage was legally terminated).
- A copy of each person's Vietnamese ID card.
- A photo of each person.

Employment Documents

- Photocopies of papers that show you worked for the U.S. Government or a U.S. organization. Papers that show you worked closely with U.S. officials or U.S. programs while working for the Vietnamese Government or serving in the Vietnamese Military before April 30, 1975. Papers that show you went to school or had training in the U.S. or in another country under U.S. sponsorship.

These papers could be personnel actions, payroll slips, certificates, diplomas, ID cards, travel orders, and the like. Also send the names of American supervisors or advisors, as well as copies of any letters you may have received from them.

- If you or a member of your family had been in re-education, send a copy of the release certificate.
- If you have a close relative in the United States or in another country send us the name and address of that relative, and tell us how the person is related to you.

ODP-37 (0410f: 11/86)

NOTE: Your legal spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you to the United States.

You should collect these documents and send them to us. If you have already submitted some of these documents, you may wish to forward copies of them again to ensure that the copies will be included in our file.

In addition to submitting the required documentation, you should apply for Exit Permits. We must stress the fact that even when our file is complete, it is still the decision of the Vietnamese authorities whether or not you will be permitted to depart. This office has no influence over decisions by the Vietnamese authorities regarding the issuance of Exit Permits. Therefore, all efforts to obtain Exit Permits must be made by you.

Please inform us of any change of address or telephone number, for either you or your relatives in the U.S., and always write the IV number (five or six digits) on your letter.

This letter is not being sent to you because we have already reviewed our file for you, but rather to inform you that we have established a case file and to tell you the IV file number. After you have submitted all the required documentation, we will then be able to complete our file. If any other information or documents are needed, we will contact you when we review the file. Please do not write to us unless it is to report a change of address, or to tell us you have obtained Exit Permits; in that case, send us the Exit Permit numbers.

Sincerely,

))

Orderly Departure Program
127 Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

ODP-37 (0410f: 11/86)

CÔNG AN TỈNH BẾN TRE
ĐỘI QLNNN - XC

Số: 182/XC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BIÊN NHẬN HỒ SƠ

Đội Quản lý người nước ngoài xuất cảnh tỉnh Bến Tre có nhận hồ sơ của Ông, Bà

NGÔ THANH HUỆ

Địa chỉ

Mỹ Thạnh An - Xã Bến Tre

Hồ sơ gồm:

- 1- 02 đơn xin xuất cảnh + 02 cam kết
- 2- 08 ảnh khai
- 3- 08 lý lịch
- 4- 08 CMND
- 5- 08 khai sinh
- 6- 02 đơn tước
- 7- 02 lý khai
- 8- 02 giấy ra tại
- 9- 02 ảnh
- 10- 02 báo cáo

Bến Tre, ngày 11 tháng 10 năm 1988

TL: ĐỘI QLNNN-XC

Người nhận

(Ký tên ghi rõ họ tên)

Người nộp

(Ký tên ghi rõ họ tên)

VD

Phy

Questionnaire for ODP applicants

Date January 4, 1990

A. Basic Identification data:

1. Name: NGO. THANH-HUE sex: Male
2. Other name:
3. Date / Place of birth: June 7, 1935 - Ben Tre
4. Residence address: 338th An Thuan My Thanh An Ben Tre
5. Mailing address: 338th An Thuan My Thanh An Ben Tre
6. Current occupation: Farmer

B. Relative to accompany me:

(Note: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: married (M) Divorced (D) Widowed (W) or Single (S))

	Name	Date of birth	Place of birth	Sex	MS	Relationship
1	Nguyen Thi Loan	15-12-1939	Ben Tre	Female		Wife
2	Ngô. Khanh Danh	1965	Ben Tre	-	S	daughter
3	Ngô. Hai Thanh	1966	Gia Dinh	-	S	-

C. Relatives outside Viet Nam

1. Closest relative in the U.S.

2. Closest relative in other foreign countries

a/- Nguyen Binh Bôn 1605 Lepine Ville St Laurent
PR 4H2H4 P1
Canada

b/- Relationship: Cousin

c/- Date of relative arrival in Canada:
Before April 30, 1995.

D. Complete family listing

E. Employment by U.S. Government Agencies or other U.S. Organisation of you or your spouse

F. Service with GVN or ARVN by you or your spouse

1. Name of person: NGO. THANH-HUE

2. Dates: From July 1st 1958 To: April 30, 1975
3. Last rank: Trung úy Cảnh sát Đỉnh có lương bổng 16.769
4. Ministry / Office / Military unit: Sở Địa ốc,
Khởi Tiến Dân, Bộ Chỉ huy Cảnh sát
5. Name of Supervisor / Co: Trung tá Nguyễn Văn Lễ
Đại tá Trần Ngọc Nguyên. Thiếu tá Nguyễn
Khắc Bình.
6. Reason for separation:
7. Names of American Advisors: Ông Holt
Thầy David Suarez

8. US training courses in Viet Nam

9. US Awards or Certificates.

(Note: Please attach any copies of diplomas or
certificates if available)

G. Training out side VN of you or your spouse

1. Name of student / trainee

2. School and School address.

2. Dates From: To:

H. Re education of you or your spouse

1. Name of person in reeducation: NGÔ THANH HUE

2. Total time in reeducation: From: April
30, 1975 To: September 8, 1979

I. Any additional Remarks:

Tấm trong kính gửi đến Cơ quan thẩm quyền
xin xét từ chối cấp Giấy phép Nhập cảnh
Riêng giấy tờ cá nhân thì thất lạc vào ngày 30-4
1975 nên không thể nộp từ chối.

Kính mong quý vị nhân viên đây lòng cảm
thank và liệt kê của chúng tôi

Hồ sơ đính kèm: Hồ sơ (1 bản)

- Khai danh (1 bản)

- Bản sao cấp nước (1 bản)

- Bản sao Tổ khai gia đình (1 bản)

- Bản sao Biên nhân Hồ sơ xuất cảnh.

Thầy

Đỗ Thanh Vinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **320565086**

Họ tên **NGÔ-THÀNH-HUỆ**



Sinh ngày **1935**

Nguyên quán **Xã Mỹ Thạnh An**

Thị Xã Bến Tre.

Nơi thường trú **293A, Mỹ Thạnh**

An, Thị Xã Bến Tre.

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		Seo thẳng lem cách lem dưới sau mép phải.	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 30 tháng 06 năm 1981	
		H/ GIAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN	
		 Hà Minh Phú	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 320058839

Họ tên HUYNH-THỊ-LOAN



Sinh ngày 15-12-1939

Nguyên quán Xã Mỹ Thạnh An

Thị Xã Bến Tre.

Nơi thường trú 293 Xã Mỹ

Thạnh An, Thị Xã Bến Tre.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không	
	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH Sẹo chấm cách 2 cm dưới sau đuôi mắt phải. 06-11-1978 TRƯỞNG TY CÔNG AN TRUNG-TY <i>Thư</i> TRẦN VĂN CHIẾN
	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **320550219**

Họ tên **NGÔ-THANH-DANH**

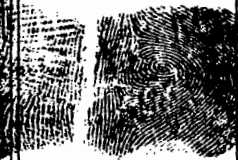


Sinh ngày **1965**

Nguyên quán **Xã Mỹ Thạnh An**

Thị Xã Bến Tre.

Nơi thường trú **293, Mỹ Thạnh**
An, Thị Xã Bến Tre.

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: không	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
NGÓN TRỎ TRÁI		Sẹo chấm c.2cm d.01 sau cánh mũi phải.	
		Ngày 15 tháng 09 năm 1980 KT. GIÁM ĐỐC HÒA, TRƯỞNG TY CÔNG AN PH. HUỖNG-TY  TRẦN VĂN-CHIẾN	
NGÓN TRỎ PHẢI			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 326564373

Họ tên: NGÔ-HÀ-THANH



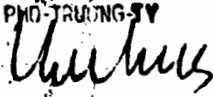
Sinh ngày: 02-10-1966

Nguyên quán: Xã Mỹ Thạnh An

Thị xã Bến Tre.

Nơi thường trú: 293A, Mỹ Thạnh

An, Thị xã Bến Tre.

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sẹo tròn 0,5cm cách 1,4cm dưới đầu mắt trái.	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 18 tháng 05 năm 1981	
		KÍ/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN	
		PHÓ-TRƯỞNG TY	
			
		TRẦN VĂN CHIẾN	

CÔNG AN TỈNH BẾN TRE
ĐỘI QLNNN - XC

Số: 182/XC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BIÊN NHẬN HỒ SƠ

Đội Quản lý người nước ngoài xuất cảnh tỉnh Bến Tre có nhận hồ sơ của Ông, Bà

NGÔ THANH HUỆ
Địa chỉ Mỹ Thạnh An - Thị xã Bến Tre

Hồ sơ gồm:

- 1- 02 đơn xin xuất cảnh + 02 cam kết
- 2- 08 bản khai
- 3- 08 lý lịch
- 4- 08 CMND
- 5- 08 khai sinh
- 6- 02 hôn thú
- 7- 02 hộ khẩu
- 8- 02 giấy ra tài
- 9- 24 ảnh
- 10- 07 báo tờ

Bến Tre, ngày 11 tháng 10 năm 1988

TL: ĐỘI QLNNN-XC

Người nhận

(Ký tên ghi rõ họ tên)

Người nộp

(Ký tên ghi rõ họ tên)

VD

Ph

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
DÉPARTEMENT DE LA JUSTICE

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ' TÒA H.G.R.Q.KIẾNHOÀ

GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH LỤC BỘ HÔN THỦ NĂM 1959

Extrait d' registre des actes de mariage de l'année

(BỤC Nhất)
(degré)

LÀNG An-hội

du village de

TỈNH Kiến-Hoà

Province de

(NAM-PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1959
(Année)

SỐ HIỆU 21
(Acte N°)

Tên, họ người chồng Nom et prénom de l'époux	Ngô-thành-Muê
Sanh tại chỗ nào Lieu de la naissance	Anhội Bảo hộ Bểntre
Sanh ngày nào Date de la naissance	7 tháng 6 năm 1935
Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói) Nom et prénom du père de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé).	Ngô-văn-Hưng
Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói) Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	Nguyễn-thị-Mai
Tên, họ người vợ Nom et prénom de l'épouse	Huỳnh-thị-Loan
Vợ chánh hay là vợ thứ Son rang de femme mariée	Vợ chánh
Sanh tại chỗ nào Lieu de naissance	Anhội Bảo hộ Bểntre
Sanh ngày nào Date de sa naissance	15 tháng 12 năm 1939
Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói) Nom et prénom du père de l'épouse (Indiquer s'il est vivant ou décédé)	Huỳnh-văn-Kiết
Tên họ, mẹ vợ (sống chết phải nói) Nom et prénom de sa mère (Indiquer si elle est vivante ou décédée)	Trương-thị-Tước
Ngày kết-hôn Date de mariage	3 tháng 3 năm 1959

Nhà in Ng-v. Huân - Saigon

Chúng tôi Ngô-Phượng-Tường
Nous
Chánh-án Tòa H.G.R.Q.KIẾNHOÀ
Président du Tribunal
chứng cho hợp-pháp chữ ký của
certifions l'authenticité de la signature de M.
ông Nguyễn-văn-Lý
Chánh Lục-sự Tòa-Án sở tại.
Greffier en chef dudit tribunal.

Kiến-Hoà ngày 18-4-1961

Trích y bản chánh :
Pour extrait conforme :

Kiến-Hoà , ngày 18-4-1961

CHÁNH LỤC-SỰ
LE GREFFIER EN CHEF



Cả tiền 7\$00

Cốt

Biên lai số
Quittance n°

Ấn lệnh số 15 AL,
Ngày 18-4-1961 của Ông Chánh-Án Tòa H.G.R.Q.Kiếnhoà
đặt sửa tờ hôn-thủ số 21 năm 1959 xã An-Hội (Kiếnhoà) của Ngô-
Thành-Muê và Huỳnh-thị-Loan như sau:
Nơi khoảng biên mẹ vợ "Trương-thị-Tước" được sửa lại
là "TRƯƠNG-THỊ-TRƯỚC".

Kiến-Hoà, ngày 18-4-1961
Chánh-Lục-Sự
(ký tên và đóng dấu)

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
BỘ TƯ-PHÁP
SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

Tòa **HOÀNG-KIỂM-HÒA**

(1) Ngày **12-1-1951**

Giấy thi vi **khải sanh**
cho **Ngo-thanh-Hue**

(1) Số **9**

Trích-lục văn-kiện thế-vi hộ-tịch lưu-trú tại Phòng Lục-Sự
Tòa **HOÀNG-KIỂM-HÒA**

Một bản chính giấy thế-vi **khải sanh**
cấp cho **Ngo-thanh-Hue**

do Ông **HOÀNG-KIỂM-HÒA**

Chánh-Án Tòa **Án Kiểm-hòa**

với tư-cách Thẩm-Phán Hội-Giải, cấp ngày **12-1-1951**

và đã trước-bạ :

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định
ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần
Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-dổi bởi
Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ quả-quyết và biết
chắc rằng :

NGO - THANH - HUE, sinh ngày 7-6-1935, tại làng

An-Hoi (Bentre) con của Ngo-van-Hung và Nguyen-thi-Mai

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

KIỂM-HÒA ngày **23** tháng **3** năm 19 **62**
CHÁNH LỤC-SỰ.

Lệ-phí: **5\$00**

(1) Lập lại số, ngày tháng
và năm trên đây mỗi
khi xin trích-lục.

L: Kiểm

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ TƯ- PHÁP

SỞ TƯ- PHÁP NAM- PHÂN

TÒA

H. G. K. ... H. O. A

Trích-lục văn-kiến thể-vi hộ-tịch lưu-trữ tại Phòng Lục-Sự

Toà H. G. K. ... H. O. A

Một bản chánh giấy thể-vi

khai sanh

cấp cho **Huỳnh thi Loan**

do **Ô. HUỲNH THI LOAN T. CH**

(1) Ngày **4.12.1953**

, Chánh-Án Tòa **AN H. G. K. H. O. A**

Giấy thể-vi **khai sanh**

với tư-cách Thẩm-Phán Hòa-Giải, cấp ngày **4.12.1953**

cho **Huỳnh thi Loan**

và đã trước-bạ ;

(1) Số **354**

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả quyết và biết chắc rằng :

HUYNH THI LOAN, sanh ngày 15-12-1939 tại làng An Hoi

(Bentre) con của Huỳnh van Kiet và Trương thi Tuoc.

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH,

AN H. G. K. H. O. A, ngày **15** tháng **3** năm **1954**

CHÁNH LỤC-SỰ,

Lệ-phi : **02**

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH KIẾN-HÒA

XÃ AN-HỘI

QUẬN TRUNG-GIANG

HỘ-TỊCH VIỆT-NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm: 1965-

Số hiệu: 1168-

Tên, họ ấu nhi . . .	Ngô-Thành-Danh
Phái	Nữ
Sanh ngày	Sáu tháng sáu năm 1965
Nơi sinh	Bảo sanh Nhơn-Hòa Kiến-Hòa
Tên, họ cha	Ngô-Thành-Puô
Nghề nghiệp	Cảnh sát viên
Cư sở tại	Sài Gòn
Tên, họ mẹ	Phụng-Thị-Loan
Nghề nghiệp	Nội Trợ
Cư sở tại	Sài Gòn
Vợ chánh hay vợ thứ.	Vợ chánh

NHÂN TƯỚNG CHỦ TỊCH CỦA
chi bộ Xã an Hội
Trúc Giang, ngày 18 tháng 4 năm 1965
U. R. QUẢN-TRƯỞNG,
PHÓ QUẢN-TRƯỞNG,



[Signature]

Đỗ Kim Sơn

SAO Y BỘ CHÁNH

An-Hội, ngày 18 tháng 4 năm 1965

Viên-chức Hộ-tịch,

Chủ-Tịch Xã,



[Signature]

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm 19

66

MIỄN LỆ- PHI

Số hiệu

1842

Tên, họ ấu nhi	
Phái	Ngô- hà - hanh
Sanh	NỮ
(Ngày, tháng, năm)	Ngày hai, mười, lam tháng mười dương lịch
Tại	nam một ngàn chín trăm sáu mươi sáu,
Cha	Phủnhuận 89 Võ-Tánh
(Tên, họ)	Ngô- Thành - huệ
Nghề	Cảnh-Sát
Cư trú tại	
Mẹ	Phủ-huận 248/1 ấp Trung- hức
(Tên, họ)	Huỳnh-Thị-Loan
Nghề	Nội-trợ
Cư trú tại	
Vợ	Phủnhuận 248/1 ấp Trung- hức
(Chánh hay thứ)	Vợ-Chánh

Trích y bốn chánh :

KIẾN-THỊ :

XÃ-TRƯỞNG



ngày... tháng... năm 197
Phủnhuận ỦY-VIỆN HỘ-TỊCH

TRẦN VĂN DẠNG

MIỄN THỊ THỰC CHỮ KÝ

Tham chiếu : Thông Tư Bộ Nội Vụ số 4366.BNV/HC/29
ngày 3-8-70.

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chúng nhận đã chuyển đến ở : _____

Chúng nhận đã chuyển đến ở : _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên, đóng dấu

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên, đóng dấu

Chúng nhận đã chuyển đến ở : _____

Chúng nhận đã chuyển đến ở : _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên, đóng dấu

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

NK4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

TỈNH BẾN TRE

Số: 002237 CV

Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Thị Loan

Số nhà: 338 D

Đường phố, ấp: An Thuận A

Thị trấn, phường, xã: An Thạnh An

Huyện, thị xã: Thị xã Bến Tre

Ngày 20 tháng 05 năm 1981

Trưởng công an: Thị xã Bến Tre

Thị trấn CA. Thị xã

Tập số: _____

Trang số: _____

Huyện, thị xã BẾN TRE

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

Montréal 12/2/1990

Kính gửi Bà chủ tịch
Hội gia đình tù nhân chính trị VN

Kính thưa Bà

Tôi kính gửi đến Bà hồ sơ của Ông Ngô Thanh Huệ
cũ Trung úy Cảnh sát, bị tù cải tạo 3 năm

Kính xin Quý Hội sớm can thiệp với chính phủ
Hoa Kỳ để tương tự sớm được cấp giấy phép nhập
cảnh. Dù kết quả thế nào, cũng xin quý vị thông
báo cho tương tự rõ theo địa chỉ sau đây nhờ
chuyên giao:

Ông Trương Văn Thuận
Số 11 Nguyễn Thái Học
Quận 1 - TP Hồ Chí Minh.

Hay là Hùng báo cho tôi là người bà con xa của tương tự

Nguyễn Hữu Bôn
1605 LEPINE
Ville St-Laurent (PQ)
H4L 4P1 Canada -

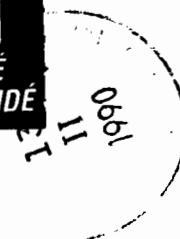
Thành kính cảm ơn Quý vị

Ngô Bôn

NGUYEN, HUU BON
1605 LEPINE
ST LAURENT - PQ
H4L 4P1 Canada



FEB 21 1990



To: HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VN
P.O. Box 5435 Arlington
VA 22205 - 0635

Air Mail Par avion

USA



RR 062 935 20X CA.

 **SECURITY SÉCURITÉ**

Canada Post Corporation Société canadienne des postes

40-076 604 (89-08)

RR 062 935 20X CA



RR 062 935 20X CA

RR 062 935 20X CA



CONTROL

___ Card
___ Request; Form
___ Release Order
___ Computer
___ Form "D"
___ ODP/Date
___ Membership; Letter

3/29/90